

xuǎnzé rán hòu dǎ (/) zhèngquè dá'àn
选 择 然 后 打 (/) 正 确 答 案。

Choose and tick (/) the right answer.

	hóngsè de píngguǒ A) 红 色 的 苹 果 qīngsè de píngguǒ B) 青 色 的 苹 果 hóngsè de mángguǒ C) 红 色 的 芒 果
	hóngsè de xiāngjiāo A) 红 色 的 香 蕉 huángsè de xiāngjiāo B) 黄 色 的 香 蕉 qīngsè de liúlián C) 青 色 的 榴 莲
	hóngsè de xiāngjiāo A) 红 色 的 香 蕉 hóngsè de mángguǒ B) 红 色 的 芒 果 qīngsè de liúlián C) 青 色 的 榴 莲